ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26 /2020/QĐ-UBND	*Hải Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2020*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HẢI DƯƠNG
ĐẾN Số: 1150
Ngày: 30/3/2020
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 9 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế ưu đãi, hỗ trợ tài chính đối với các hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 205/TTr-STNMT ngày 17 tháng 3 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành, kể từ ngày 06/4/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ Trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện,

thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT, Ô Thành (180b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Dương Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..26.../2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn (viết tắt là CTR) sinh hoạt, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan trong việc quản lý CTR sinh hoạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (kể cả các tổ chức nước ngoài; hộ gia đình, cá nhân, người nước ngoài đang cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh Hải Dương) có các hoạt động liên quan đến phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt phải chấp hành Quy định này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý CTR sinh hoạt

1. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 4 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (sau đây viết tắt là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP).

2. Quản lý CTR sinh hoạt là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động làm phát sinh CTR sinh hoạt.

3. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phát sinh CTR sinh hoạt có trách nhiệm phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý và chi trả giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt theo quy định của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy để chứa CTR sinh hoạt sau phân loại, khuyến khích sử dụng túi ni lông dễ phân hủy, thân thiện với môi trường để thay thế các túi ni lông khó phân hủy.

Điều 4. Xã hội hóa trong lĩnh vực xử lý CTR sinh hoạt

1. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý CTR sinh hoạt và thu hồi năng lượng từ CTR sinh hoạt; việc đầu tư mới các cơ sở xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo hướng tái sử

dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý thu hồi năng lượng, hạn chế tối đa việc chôn lấp CTR sinh hoạt.

2. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư, tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, xử lý CTR sinh hoạt được hưởng các chế độ ưu đãi về đầu tư và các ưu đãi khác theo quy định tại Điều 10 của Quy định này.

Chương II
PHÂN LOẠI, LƯU GIỮ, THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 5. Phân loại, lưu giữ CTR sinh hoạt

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh thực hiện phân loại CTR sinh hoạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

2. CTR sinh hoạt sau khi được phân loại phải được lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường, cụ thể:

a) Đảm bảo lưu giữ CTR sinh hoạt an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ.

b) Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán chất ô nhiễm (nước rỉ rác, mùi, chất ô nhiễm) ra môi trường.

c) Công trình, thiết bị tập kết, phương tiện vận chuyển phải có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng trong quá trình sử dụng, nhằm đảm bảo lưu giữ CTR sinh hoạt không được ngấm, rò rỉ nước rác.

Điều 6. Thu gom và vận chuyển CTR sinh hoạt

Hoạt động thu gom và vận chuyển CTR sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ) và các quy định sau:

1. CTR sinh hoạt phát sinh từ các cá nhân, hộ gia đình phải được phân loại, lưu giữ, thu gom và chuyển đến các điểm tập kết đúng thời gian, đúng nơi quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường. Tại các khu đô thị, không lưu giữ rác tại các thùng đựng rác công cộng trên các đường phố quá 48 giờ và tại các điểm trung chuyển quá 24 giờ; tránh thu gom và vận chuyển CTR sinh hoạt trong giờ cao điểm (trừ trường hợp đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc chính quyền địa phương); không tập kết xe gom, xe vận chuyển tại các địa điểm dễ gây ùn tắc giao thông.

2. CTR sinh hoạt phát sinh trong các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các khu thương mại phải được phân loại, lưu giữ, bố trí phương tiện, dụng cụ thu gom; bố trí điểm tập kết, lưu giữ và phải ký hợp đồng với chủ cơ sở thu gom vận chuyển để đưa đi xử lý theo quy định.

3. Phương tiện vận chuyển CTR sinh hoạt phải là phương tiện chuyên dụng, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định và được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành. Trong quá trình vận chuyển CTR sinh hoạt, các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo an toàn, đi đúng tuyến đường, không làm rò rỉ, rơi vãi, phát tán bụi, nước, mùi; khi vào khu xử lý CTR sinh hoạt phải tuân thủ quy định của đơn vị quản lý. Các phương tiện vận chuyển phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình - thiết bị định vị xe theo quy định; các phương tiện vận chuyển chỉ được vận chuyển theo các tuyến cố định đã đăng ký và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Lựa chọn và xây dựng các điểm tập kết/trung chuyển CTR sinh hoạt

Các điểm tập kết, trạm trung chuyển CTR sinh hoạt phải đảm bảo các yêu cầu tại Phụ lục II, Điểm A, Mục 3 ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và các quy định sau:

1. Mạng lưới các điểm tập kết/trung chuyển CTR sinh hoạt phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác có liên quan của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các điểm tập kết/trung chuyển CTR sinh hoạt có vị trí thuận lợi về giao thông để đảm bảo thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển đến các khu xử lý; đáp ứng được các yêu cầu về khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư tập trung theo quy định.

3. Phù hợp về cự ly vận chuyển đến các khu xử lý; được thiết kế theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; đảm bảo mỹ quan, không gây ô nhiễm môi trường đất, không khí và nguồn nước trong quá trình vận hành.

Điều 8. Xử lý CTR sinh hoạt

1. Công nghệ xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được lựa chọn theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP. Công nghệ xử lý phải đảm bảo vệ sinh môi trường, đáp ứng các quy chuẩn quốc gia về môi trường và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Địa điểm lựa chọn đầu tư xây dựng các khu xử lý, các điểm/bãi chôn lấp CTR sinh hoạt hợp vệ sinh, lò đốt rác phải phù hợp với Chiến lược Quốc gia về Quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, định hướng đến năm 2050; Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Triển khai xây dựng và vận hành các khu xử lý, bãi chôn lấp CTR sinh hoạt hợp vệ sinh, lò đốt rác phải tuân thủ theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc lựa chọn chủ đầu tư, chủ cơ sở xử lý CTR sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

5. Khuyến khích việc lựa chọn đầu tư xây dựng khu xử lý CTR sinh hoạt tập trung quy mô cấp huyện, cụm huyện có công suất từ 100 tấn/ngày trở lên; áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại trong nước và thế giới, ưu tiên lựa chọn công nghệ xử lý có thu hồi năng lượng và thành phần có ích trong CTR sinh hoạt nhằm giảm tỷ lệ chôn lấp, không gây ô nhiễm môi trường.

Chương III

GIÁ DỊCH VỤ VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 9. Giá dịch vụ và kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt

1. Giá dịch vụ đối với hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt:

a) Giá dịch vụ thu: Là khoản chi phí bắt buộc theo quy định phải nộp hàng tháng của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cung cấp dịch vụ vệ sinh (thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt).

b) Giá dịch vụ chi đối với hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt sử dụng ngân sách Nhà nước: Do cơ quan quản lý Nhà nước ban hành, làm cơ sở để giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu và thanh toán cho đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt.

2. Đơn vị thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt là các tổ chức cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường thực hiện công tác duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn.

3. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi phí thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và mua sắm các phương tiện thu gom vận chuyển, trang thiết bị an toàn lao động cho các xã, phường, thị trấn tự tổ chức các tổ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt thực hiện mô hình tự quản từ các hộ gia đình, nơi công cộng, cơ quan, tổ chức đến điểm tập kết CTR sinh hoạt tập trung hoặc bãi chôn lấp của xã, phường, thị trấn; hỗ trợ kinh phí mua các dụng cụ lưu trữ, chế phẩm sinh học để phân loại và xử lý CTR sinh hoạt tại nguồn.

4. Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt từ các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được thực hiện theo hợp đồng giữa chủ phát sinh CTR sinh hoạt và chủ cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý.

5. Tùy theo năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, cơ quan có thẩm quyền hoặc các chủ phát sinh CTR sinh hoạt ký hợp đồng và thanh toán theo giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt. Các loại hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được quy định tại Điều 24 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

6. Việc áp giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý:

Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và các quy định sau:

a) Đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước: Theo hợp đồng thực tế hàng năm và mức giá do UBND tỉnh quy định.

b) Đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt không sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước: Theo thỏa thuận giữa bên cung cấp dịch vụ và chủ nguồn thải.

Điều 10. Chính sách, ưu đãi về thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt

1. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng khu xử lý CTR sinh hoạt với các nội dung sau đây:

a) Đầu tư trang thiết bị, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt; xây dựng các trạm trung chuyển CTR sinh hoạt; xây dựng toàn bộ hoặc từng hạng mục công trình thuộc khu xử lý CTR sinh hoạt;

b) Mua sắm trang thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động xử lý CTR sinh hoạt;

c) Đầu tư chuyển giao công nghệ xử lý CTR sinh hoạt.

2. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư, tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt được hưởng các chế độ ưu đãi về đầu tư và các ưu đãi khác theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý CTR và theo các ưu đãi khác do UBND tỉnh quy định.

3. Đối với các địa phương có địa điểm được lựa chọn để quy hoạch, xây dựng khu xử lý CTR sinh hoạt tập trung hoặc chịu ảnh hưởng trực tiếp do hoạt động của khu xử lý CTR sinh hoạt tập trung:

a) Được ưu tiên hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt về nhà máy xử lý.

b) Được hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt từ các hộ gia đình tới khu vực tập kết/trạm trung chuyển CTR sinh hoạt.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì lập, thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất để phát triển khu xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

c) Hướng dẫn công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng khu xử lý CTR sinh hoạt;

d) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp huyện thanh kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, quản lý CTR sinh hoạt và các quy định liên quan (thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường) trong quá trình hoạt động của các cơ sở xử lý, các khu xử lý CTR sinh hoạt;

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn việc cải tạo, phục hồi môi trường bãi chôn lấp CTR sinh hoạt và quy trình đóng bãi chôn lấp CTR sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động;

g) Hướng dẫn UBND cấp huyện và các chủ cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn thực hiện quản lý CTR sinh hoạt, kiểm tra thực hiện công tác vệ sinh môi trường theo quy định;

h) Phối hợp với Sở Tài chính, hàng năm rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; tham gia đánh giá năng lực thực hiện các hợp đồng đấu thầu, đặt hàng của các đơn vị thực hiện (gồm cả khối lượng thực hiện và nguồn kinh phí sử dụng) để báo cáo UBND tỉnh theo quy định;

i) Chịu trách nhiệm chủ trì, theo dõi, tổng hợp về chỉ tiêu thu gom, xử lý CTR sinh hoạt, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTR sinh hoạt theo quy hoạch được phê duyệt; phương pháp lập, quản lý chi phí và phương pháp định giá dịch vụ xử lý CTR sinh hoạt.

b) Tổ chức thẩm định quy hoạch, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng cho các cơ sở xử lý CTR sinh hoạt theo phân cấp.

c) Công bố định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu về CTR sinh hoạt, quản lý, khai thác, trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan đến quản lý CTR sinh hoạt.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để xác định kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

b) Phối hợp với các Sở, ban ngành hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý CTR sinh hoạt.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư; tham mưu bố trí vốn từ nguồn vốn đầu tư công để hỗ trợ đầu tư cho các chương trình, dự án đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý CTR sinh hoạt theo quy định của pháp luật đầu tư công và các quy định khác có liên quan;

b) Rà soát, trình UBND tỉnh phê duyệt bổ sung danh mục các dự án đầu tư thu gom, xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh cần kêu gọi đầu tư;

c) Chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án thu gom, xử lý CTR sinh hoạt theo quy định;

d) Theo dõi tiến độ đầu tư các khu xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh nhất là đối với các hạng mục công trình tái chế CTR sinh hoạt, góp phần giảm thiểu CTR sinh hoạt chôn lấp, tiết kiệm tài nguyên theo đúng chứng nhận đầu tư được cấp.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung giáo dục về bảo vệ môi trường liên quan đến quản lý chất thải sinh hoạt để tổ chức tuyên truyền, giáo dục trong các cấp học trên địa bàn tỉnh.

6. Các sở, ban, ngành khác:

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn UBND cấp huyện và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý CTR sinh hoạt theo đúng quy định của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Phối hợp với UBND cấp huyện kiểm tra, thanh tra việc quản lý CTR sinh hoạt, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành đã được UBND tỉnh giao;

c) Thường xuyên tuyên truyền, vận động bằng các hình thức thiết thực, hiệu quả đến mọi người dân cùng hưởng ứng, tham gia và xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường nói chung và quản lý CTR sinh hoạt nói riêng.

7. Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Hải Dương

Xây dựng phóng sự tuyên truyền, ghi hình, đưa tin về các hoạt động thu gom, xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các Đài phát thanh và truyền hình huyện, thị xã, thành phố dành thời lượng để tuyên truyền về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý CTR sinh hoạt nói riêng tại địa phương.

Điều 12. Trách nhiệm của UBND huyện, thị xã, thành phố

Trách nhiệm của UBND cấp huyện trong quản lý CTR sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Khoản 11 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và các quy định sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường và kết quả triển khai các chương trình, kế hoạch, phong trào bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân tích cực vệ sinh môi trường và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý CTR sinh hoạt;

3. Đầu tư, khuyến khích xã hội hóa và quản lý quá trình đầu tư cho thu gom, vận chuyển, xây dựng công trình xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn;

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt;

5. Chủ động nguồn lực để đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương;

6. Hàng năm, tổ chức điều tra, đánh giá lượng CTR sinh hoạt phát sinh, xây dựng và triển khai kế hoạch thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn;

7. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan:

a) Xác định sự cần thiết, vị trí và quy mô các điểm tập kết trên địa bàn quản lý; đề xuất vị trí, công suất, công nghệ trạm trung chuyển quy mô nhỏ phục vụ cho nhu cầu trung chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn; thời gian, tuyến đường, tần suất thực hiện quét, thu gom CTR đường phố; mạng lưới, vị trí, số lượng, dung tích, mẫu mã thùng rác công cộng; các vị trí cụ thể được thải bỏ CTR ở khu vực công cộng;

b) Xác định vị trí quy hoạch xây dựng nhà máy xử lý CTR tập trung của huyện, thị xã, thành phố;

8. Chủ trì tổ chức xây dựng và ban hành lộ trình thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt để làm cơ sở đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ theo quy định;

9. Chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng đủ trạm trung chuyển phù hợp với quy hoạch để đảm bảo phục vụ cho công tác thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố;

10. Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn triển khai quy định này và các quy định hiện hành liên quan đến quản lý CTR sinh hoạt;

11. Công bố rộng rãi số điện thoại đường dây nóng lĩnh vực môi trường của huyện, thị xã, thành phố để người dân được biết và phản ánh các vấn đề về môi trường (nếu có);

12. Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về CTR sinh hoạt trong phạm vi quyền hạn của mình hoặc chuyển đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết;

13. Giám sát và tổng hợp các chỉ tiêu về tỷ lệ thu gom, xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn.

Điều 13. Trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn

Trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn trong quản lý CTR sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Khoản 11 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và các quy định sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn và kết quả triển khai các chương trình, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương. Định kỳ gửi Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố báo cáo đánh giá, kết quả triển khai thực hiện, đồng thời nêu những khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai và kiến nghị, đề xuất giải pháp thực hiện.

2. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, tập kết, vận chuyển CTR sinh hoạt tại các thôn, làng, tổ dân phố và các tổ chức tự quản;

3. Phối hợp với các chủ cơ sở thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt xác định cụ thể thời gian, phương thức chuyển giao CTR sinh hoạt tại các hộ gia đình, chủ nguồn thải và thời gian chuyển giao CTR sinh hoạt tại các điểm cố định phù hợp với đặc điểm của từng khu vực, từng địa bàn;

4. Phổ biến thời gian và phương thức chuyển giao CTR sinh hoạt đến tất cả hộ gia đình và chủ nguồn thải CTR sinh hoạt trên địa bàn quản lý;

5. Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp huyện trong việc lựa chọn và xây dựng các điểm tập kết/trạm trung chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn;

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể cấp xã tuyên truyền, vận động, phổ biến các nội dung liên quan đến việc phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn, thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phát sinh CTR sinh hoạt

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phát sinh CTR sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ) và các quy định sau:

1. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phát sinh CTR sinh hoạt có trách nhiệm tham gia vào hoạt động thu gom và thực hiện việc phân loại, lưu giữ CTR sinh hoạt theo quy định.

2. Chủ nguồn thải CTR sinh hoạt (các cơ quan, tổ chức, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) có trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý với chủ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt; thanh toán toàn bộ chi phí theo hợp đồng dịch vụ.

Điều 15. Trách nhiệm của chủ cơ sở thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt

Chủ cơ sở thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt có trách nhiệm thực hiện các quy định theo Điều 18 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (được bổ sung tại Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ) và một số quy định sau:

1. Quản lý, giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao; thu gom, quét dọn hàng ngày CTR sinh hoạt trên đường, hè phố, nơi công cộng; theo dõi, kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý CTR sinh hoạt, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định;

2. Chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 6 của Quy định này;

3. Chỉ ký hợp đồng với chủ cơ sở xử lý CTR sinh hoạt có đủ năng lực theo quy định và đáp ứng các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật;

Điều 16. Trách nhiệm của chủ cơ sở xử lý CTR sinh hoạt

1. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, hoàn thành hồ sơ đề nghị xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý CTR sinh hoạt tổ chức quản lý vận hành cơ sở, giám sát chất thải, các sự cố môi trường và một số nội dung yêu cầu khác theo quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ).

2. Chỉ được tiếp nhận và xử lý các loại CTR sinh hoạt theo quy định từ các đơn vị thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận. Chủng loại, thành phần CTR sinh hoạt tiếp nhận, xử lý phù hợp với quy trình, công nghệ xử lý chất thải của cơ sở xử lý chất thải.

3. Quản lý, vận hành cơ sở xử lý CTR sinh hoạt theo đúng quy trình công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường.

4. Tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường, các biện pháp phòng ngừa, xử lý ô nhiễm như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt. Triển khai

thực hiện chương trình giám sát môi trường tại cơ sở và báo cáo kết quả quan trắc đến cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường định kỳ được duyệt.

5. Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường theo quy định. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và chuyên đề theo đề nghị của UBND cấp huyện thuộc địa bàn phục vụ, các sở chuyên ngành cấp tỉnh.

6. Phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn an ninh trật tự, an toàn của khu vực xử lý và xung quanh cơ sở xử lý CTR sinh hoạt được giao quản lý, vận hành.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý, vận hành bãi chôn lấp CTR sinh hoạt

1. Chỉ được tiếp nhận và xử lý các loại CTR sinh hoạt theo quy định từ các đơn vị thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

2. Quản lý, vận hành bãi chôn lấp theo đúng quy trình công nghệ đã được chấp thuận, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường.

3. Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

4. Tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường, các biện pháp phòng ngừa, xử lý ô nhiễm môi trường theo quy định.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Quy định này; hàng năm tổng hợp, đánh giá, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các cấp, các đoàn thể căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Quy định này đến các tổ chức, cá nhân và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái